

VÀI NÉT ĐẶC THÙ CỦA TƯ TƯỢNG ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO

Như Thủy

“Nước biển mênh mông chỉ thuần có một vị, đó là vị mặn; cũng vậy, giáo pháp của Như Lai vô lượng nhưng chỉ thuần một vị đó là vị giải thoát”.

Lời tuyên bố ấy của Đức Phật như là một pháp ấn mầu nhiệm chứng minh rằng, những gì không hướng đến giải thoát giác ngộ đều không phải là giáo pháp của Đức Phật, mà chúng chỉ là nhóm ngôn ngữ xây dựng trên những khái niệm trừu tượng của ý thức rỗng suông, hoàn toàn không làm cho người đọc, người nghe có một chút gì gọi là lợi ích.

Đức Phật thuyết pháp có tam thừa ngũ giáo có đại có tiểu có thiên có viên...điều đó có nghĩa rằng chẳng qua Như Lai chỉ vì thương xót chúng sanh, khéo biết thời nghi, khéo dùng phương tiện, nên có lúc Như Lai nói nhẹ là nặng, hoặc nói nặng là nhẹ, có khi Ngài nói hữu lúc lại nói vô, đó là do căn cơ trình độ chúng sanh có sai khác cho nên pháp Phật phương tiện tùy nghi mà sai biệt kỳ thật chân lý chỉ có một, pháp chỉ có nhất thừa, cũng như nước của trăm sông chỉ chảy về một chỗ đó là biển cả.

Vậy thì sự khác biệt qua giáo lý căn bản giữa Đại thừa và Nguyên Thủy như thế nào?

- Cả hai trường phái đều công nhận: vô thường, vô ngã, khổ, Giới, Định, Tuệ... như nhau không khác biệt.

Tuy nhiên cũng có điểm khác biệt.

- Lý tưởng Bồ Tát. Đại thừa chỉ con đường Bồ Tát đạo dẫn đến thành Phật. (Giác ngộ).

- Trong khi Nguyên Thủy dẫn đến A La Hán, nghĩa là khi đã đoạn trừ vô minh dứt hết lậu hoặc, chúng được tứ quả mà không độ sanh nếu dừng lại ở A La Hán, thì đây là Định tánh A La Hán, Đệ tử Phật có thể trở thành bậc A La Hán. Kinh điển Đại Thừa

không dùng từ cổ xe A La Hán mà dùng từ “Tam Thừa” gần : Bồ Tát thừa, Duyên Giác thừa, Thanh Văn thừa. Ba từ trên được gọi là “Giác Ngộ”.

Còn A La Hán nhưng khởi dụng độ sanh thì đây được gọi là A La Hán hướng thượng tức là hành Bồ Tát hạnh tu Bồ Tát đạo mà thành tựu Phật quả.

- Vì Thanh văn chưa rời khỏi ý niệm hữu vi. Thanh văn còn có ý niệm Như Lai vô thường mà Chơn lý đích thực, Như Lai là thường trụ.

- Thanh văn thừa thì nhìn trên mặt hiện tượng của các pháp mà tu tập, dựa trên các pháp hữu vi từ đó tu tập Tú Đế, Thập nhị nhân duyên mà chúng đạo.

Vì vậy có thể nói giáo pháp mà Đức Phật dạy cho Thanh Văn thừa mới chỉ là bán tự giáo. Ví như nhà nông mới cày xới trồng tía chưa có hoa trái.

- Ngược lại Bồ Tát thì nhìn các pháp trên mặt bản thể, dựa trên hệ tư tưởng của Bát Nhã là tánh không, thấy thật tướng các pháp là vô tướng là duyên sanh như huyễn, thấy vạn pháp trên mặt vô vi mà tu tập, vì họ rất biết rõ

“Chơn tánh hữu vi không,
Duyên sanh cố như huyễn
Vô vi vô khởi diệt
Bất thật như không hoa”

Thực chất của cuộc đời là khổ đau, Đức Phật sau khi tri nhận sâu sắc về khổ đau Ngài đã chỉ rõ nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ và con đường tận diệt khổ đau, đây chính là Tứ Diệu Đế là bài giảng đầu tiên của Ngài tại vườn Nai, gần thành Ba La Nại, đó là bốn pháp ấn mầu nhiệm. Tuy nhiên với hàng Bồ Tát Đức Phật không dừng lại ở Khổ Tập Diệt Đạo mà Ngài dắt chúng sanh tiến xa hơn một bước để trở về với cội nguồn uyên nguyên của vạn pháp là “chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng” những gì

Như Lai nói trước đây mới chỉ là phương tiện như người cha dụ những đứa con ra khỏi nhà lửa mà cho xe trâu xe dê...mà rốt ráo cứu cánh của Tú Đế là vô Khổ, vô Tập, vô Diệt, vô Đạo, đây mới chính là điều mà Như Lai cần muốn dạy cho chúng sanh..thế nên

Hàng Bồ Tát thì thấy được thật tướng của các pháp là vô tướng là vô sanh, là tịch diệt là chân như bất nhị do đó không có pháp thiện hay bất thiện vì theo kinh Duy Ma Cật thì thật tánh của tham sân si là giải thoát, thật tánh của vô minh là Phật tánh. Thật tánh của dâm nộ si là Giới định tuệ...vì những gì Đức Phật nói ra trong suốt 49 năm hay chánh pháp nó chỉ được ví như “ngón tay”, nó đóng vai trò chỉ là ngôn ngữ, và ngôn ngữ đó chỉ có giá trị diễn đạt chân lý “mặt trăng”, nó chỉ mới là định hướng để biểu đạt đến chân lý nhưng tự thân nó không phải là chân lý. Ngài tạm mượn những ngôn ngữ để khai thị thật tướng của các pháp cho chúng sanh, hiểu rõ tu tập và thể nhập được thật tướng, cho nên trong kinh Kim Cang, Đức Thế Tôn một lần nữa không ngần ngại khi khẳng định rằng: “Pháp thượng ứng xử hà hướng phi pháp”, điều này muốn nhấn mạnh cho chúng ta rằng hễ còn một ý niệm đả chấp nào đó thì ta còn vướng mắc, không thể nào thấy được chân lý, cho dù đó là ý niệm về Niết bàn về Không hay về Vô tướng Vô ngã, mà phải niệm niệm hằng trụ nơi “vô trụ vô trước” thì con đường Phật quả thênh thang ta sẽ bước vào.

- Bồ Tát thấy được tánh không của vạn Pháp là do họ sử dụng phép tu Xa ma tha – Tam ma bát đề – Thiên na mà quán được vạn pháp, chúng được “như huyễn tam ma đề”, thấy được thật tướng vạn pháp là Vô tướng.

Đây chính là tư tưởng Đại thừa liễu nghĩa. Từ đó mà khởi dụng độ sanh, hòa quang đồng trần tích cực nhập thế, tu lục độ vạn hạnh dùng lục độ này vừa lợi vừa tha.

Nhập thế nói cho đủ là nhập cuộc thế gian, là hòa mình dẫn thân vào trong mọi hoạt động của con người của thế gian của xã hội trên tinh thần tự tại an lạc giải thoát của người xuất gia. Người nhập thế phải dựa trên tinh thần vô ngã của đạo Phật cho nên họ vào trần lao mà không bị trần lao quấy nhiễu cũng như ong hút mật hoa mà không hại hương và sắc.

Trước hết phải liễu tri cho được hiện tượng thế gian vô thường từ đó đi sâu hơn để hiểu cho được thật tướng thế gian là thường trụ bất sanh bất diệt, cho nên không ra khỏi thế gian không tách rời thế gian ngay tại đây mà đạt được lý của nó.

Trên phương diện con người thì nhận được bản tâm thanh tịnh, thấy được chơn thường chơn lạc chơn ngã chơn tịnh ngay trong con người ngũ uẩn này.

Trên phương diện cuộc đời thì chúng được Bồ đề Niết Bàn ngay tại thế gian, vì qua đại thừa Phật giáo thì pháp giới là nhất chơn, cho nên “Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Dục tịnh Phật độ tiên tịnh kỳ tâm”.

Bồ Tát nhập được thật tánh của nó như vậy để khỏi tâm đại bi làm Phật sự, làm mà không thấy mình làm, trí bát nhã không thấy có và không mà không thấy có là ly hữu không thấy không là ly vô. Bồ Tát với tâm niệm như vậy trí tuệ như vậy làm việc như vậy thì mới cứu cánh, từ đó tu tập tiến lên thành Phật, nghĩa là chân lý đạo pháp vẫn tu nhưng việc làm thế gian vẫn làm tròn, đây là tinh thần tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên của Đạo Phật. Được như vậy ta mặc tình nhập cuộc mặc tình nhập thế, dẫn thân vào đời làm lợi lạc chúng sanh, như bài kệ của Toàn Nhật thiên sư

Lung mang bức tượng Di Đà
 Chữ trung chữ hiếu việc nhà vẹn phân
 Dẫn cho đi trọn đường trần
 Đạo tâm há để một lần phôi phai. □

